

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TP
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày 08/7/2022

V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP - BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàn Kiếm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Di
2. Ông Phạm Hồng Sơn

Thư ký phiên tòa: Ông Đa Văn Thắng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa, Kiểm sát viên

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện TP xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 54/2022/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 02 năm 2018 về “Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXX-HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST-HPT ngày 21 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1969

Địa chỉ: Hẻm 14 Tú Luông, khu phố 2, phường ĐL, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận; có mặt

Bị đơn: Ông Phạm Văn L1, sinh năm 1969

Địa chỉ: Khu phố 10, thị trấn L H, huyện TP, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 21 tháng 12 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ L (gọi tắt là bà L) trình bày:

Bà và ông Phạm Văn L1 (gọi tắt là ông L1) xác lập quan hệ vợ chồng năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới nhưng ông L1 không chịu đăng ký kết hôn dù bà đã nhiều lần yêu cầu.

Sau khi lấy nhau, cuộc sống không có hạnh phúc, ông L1 thường xuyên uống rượu rồi về đánh đập vợ con do con nhỏ nên bà cố gắng chịu đựng. Sống được đến năm 2013, 2014 thì bà cùng hai con trốn về thành phố PT sống ly thân cho đến nay

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông L1

Về con chung: Bà và ông L1 có 2 con chung tên Phạm Thanh Ph, sinh ngày 29 tháng 4 năm 2007 và Phạm Thanh P, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2009, các con đang ở với bà; Bà yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: không có

Bị đơn ông L1 không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nên vụ án không tiến hành hòa giải được về con chung, và về tài sản và nghĩa vụ chung.

Tại tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về hôn nhân, không công nhận mối quan hệ giữa bà L và ông L1 là vợ chồng; về con chung: giao các cháu Ph và P cho bà L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà L và ông L1 sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông L1; về con chung: bà và ông L1 có 2 người con chung gồm Phạm Thanh Ph và Phạm Thanh P, các con đang ở với bà; bà yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con. Đây là vụ kiện “Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” quy định tại khoản 7 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện TP quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục tố tụng: Do ông L1 từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án và phiên tòa đã hoãn vì vắng mặt ông nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về yêu cầu khởi kiện của bà L: Bà L và ông L1 sống chung như vợ chồng từ năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn, theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không có giá trị pháp lý và theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay bà L có yêu cầu thì không công nhận quan hệ giữa bà L và ông L1 là vợ chồng mà chỉ giải quyết mối quan hệ quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản và nghĩa vụ chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà L và ông L1 có 2 con chung tên Phạm Thanh Ph, sinh ngày 29 tháng 4 năm 2007 và Phạm Thanh P, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2009, các con đang ở với bà L; Bà L yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con cho đến khi đủ 18 tuổi. Yêu cầu của bà L là phù hợp với nguyện vọng của các cháu Ph và P cũng như cuộc sống thực tế hiện nay của các cháu nên chấp nhận. Bà L không yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không xem xét.

4. Về án phí: bà L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà đã nộp tiền tạm ứng án phí nên không hoàn lại cho bà.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 146, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không công nhận bà Lê Thị Mỹ L và ông Phạm Văn L1 là vợ chồng.

Về con chung: Bà Lê Thị Mỹ L và ông Phạm Văn L1 có 2 con chung tên Phạm Thanh Ph, sinh ngày 29 tháng 4 năm 2007 và Phạm Thanh P, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2009, các con đang ở với bà L

Giao cho bà Lê Thị Mỹ L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Phạm Thanh Ph và Phạm Thanh P cho đến khi đủ 18 tuổi

Bà Lê Thị Mỹ L không yêu cầu ông Phạm Văn L1 cấp dưỡng nuôi con

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi do các bên tự thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: không có

Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà Lê Thị Mỹ L đã tạm nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0003248 ngày 11/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TP nên không hoàn lại cho bà Lê Thị Mỹ L tiền tạm ứng án phí.

Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ L có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn ông Phạm Văn L1 vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS ND (Tỉnh + Huyện);
- Tòa án ND Tỉnh BT;
- Các đương sự;
- THA Huyện;
- Lưu HS.

Hồ Hoàn Kiếm